

HỘI THẢO SÁCH
TIẾNG ANH 4
ENGLISH DISCOVERY

Trần Thị Lan Anh (Chủ biên)
Cao Thúy Hồng

Tiếng Anh English 4 Discovery



Giới thiệu
English Discovery 4

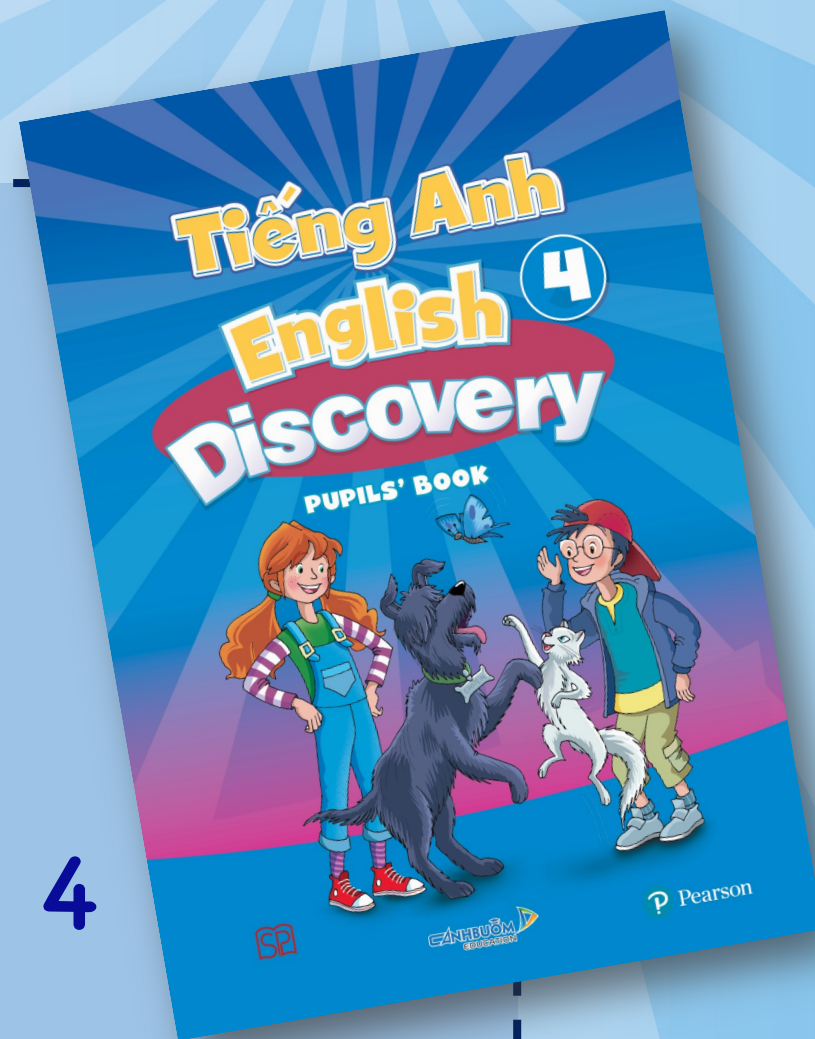
Tài nguyên giảng dạy



01

GIỚI THIỆU

ENGLISH DISCOVERY 4

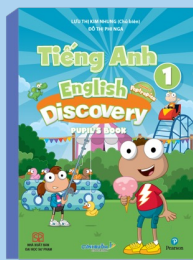
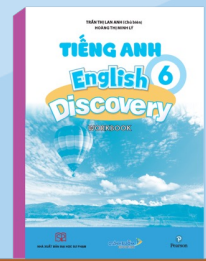
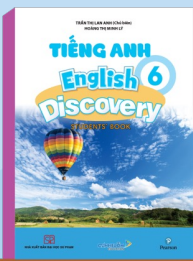
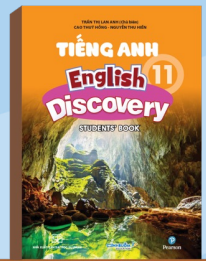
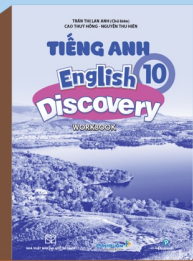
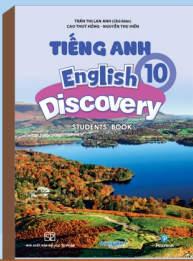


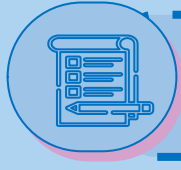


Pearson



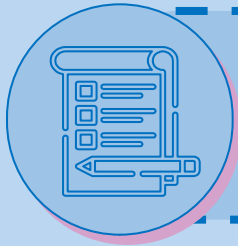
UNIVERSITY OF EDUCATION
PUBLISHER





Tiếng Anh Tiểu Học English Discovery





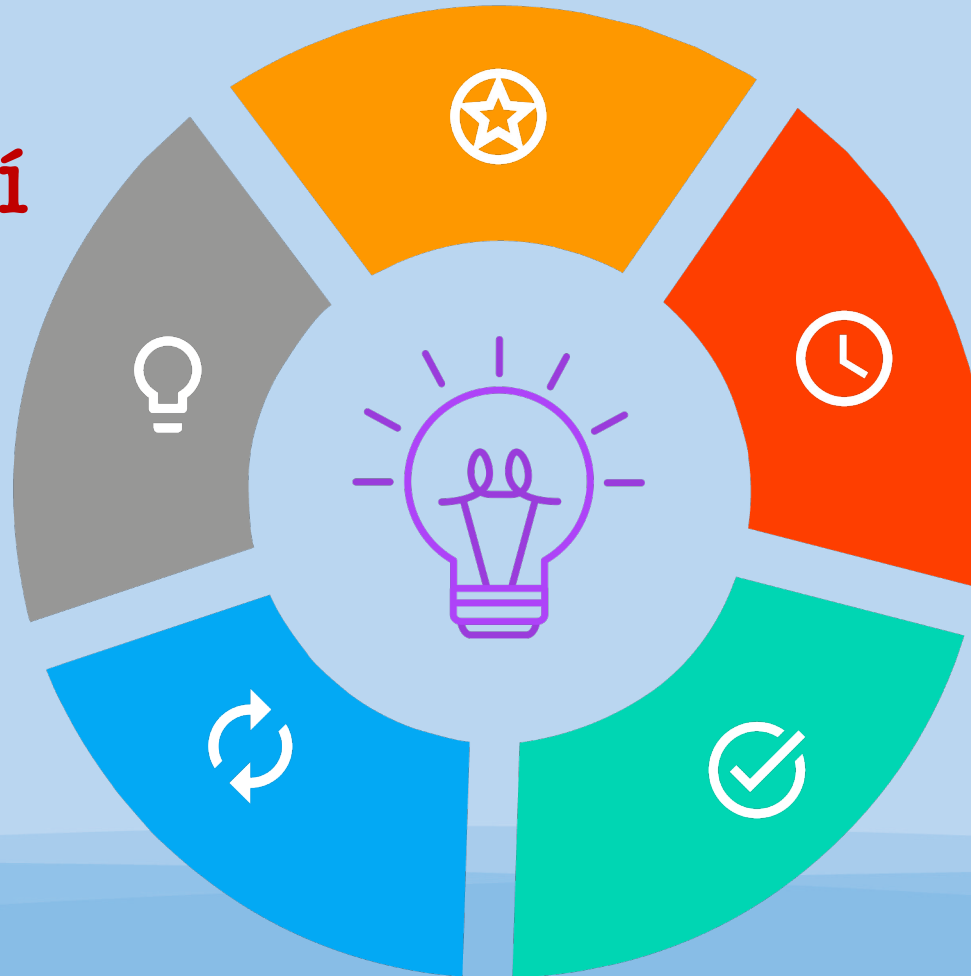
QUY TẮC THIẾT KẾ BỘ SÁCH

Khung pháp lí

Không ngừng
phát triển

Kế thừa

Kiểm tra



Contents

Unit 2 It's a happy day! 20

Unit 3 Free time activities 30

Unit 1 Time for school 8

Unit 6 A camping trip 68

Unit 3 Free time activities 30

Unit 5 I want to be a cook! 52

Unit 7 My home 78

Unit 4 At the zoo 42

Unit 9 Animals on the farm 100

Unit 10 Around the town 110

Tiếng Anh

English 4

Discovery

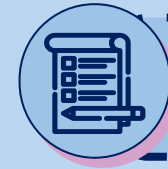
KHUNG CHƯƠNG
TRÌNH GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG
TỔNG THỂ
(TIẾNG ANH 2018)

Em và những người bạn
của em (U2, U3)

Em và trường học
của em (U1, U6)

Em và gia đình
của em
(U3, U5, U7)

Em và thế giới xung
quanh em
(U4, U9, U10)



NGỮ ÂM

Nguyên âm đơn, Nguyên âm đôi, phụ âm, và tổ hợp phụ âm

TỪ VỰNG

Khai thác từ vựng theo các chủ đề gợi ý

NGỮ PHÁP

Bao phủ hầu hết các chủ điểm gợi ý

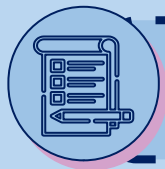
$\frac{3}{4}$ mảng kiến thức đề xuất

5-6 từ / 1 bài học

Từ vựng có độ lặp lại

Các cấu trúc bài trước được lặp lại trong các bài sau

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG
TỔNG THỂ
(TIẾNG ANH 2018)**



NĂNG LỰC NGÔN NGỮ



NGHE

4 năng lực nghe: Nghe hiểu từ và các cụm từ, Nghe hiểu và làm theo chỉ dẫn, ...



NÓI

4 năng lực nói: Nói các từ và cụm từ quen thuộc, ...

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG
TỔNG THỂ
(TIẾNG ANH 2018)**

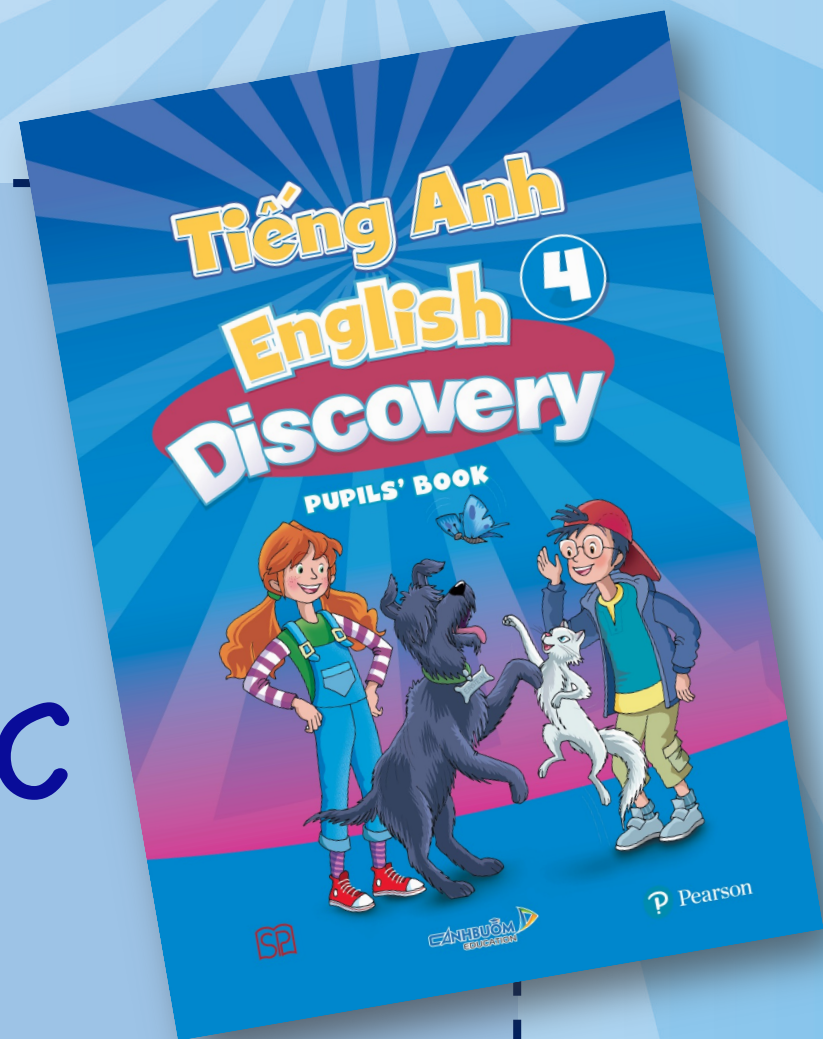
ĐỌC

4 năng lực đọc: Đọc hiểu các từ và cụm từ quen thuộc...

VIẾT

3 năng lực viết: Viết các từ và cụm từ, ...

CẤU TRÚC SÁCH – BÀI HỌC



10

Chủ đề



8

Bài học

5

Revision

2

End-Term
Revision

Contents



| | |
|---|-----|
| Starter | 22 |
| Unit 1 | 34 |
| Unit 2 | 52 |
| Unit 3 | 72 |
| Unit 4 | 92 |
| Unit 5 | 112 |
| Unit 6 | 132 |
| Unit 7 | 152 |
| Unit 8 | 172 |
| Unit 9 | 192 |
| Unit 10 | 212 |
| Revision 1 (Starter Unit and Unit 1) | 232 |
| Revision 2 (Unit 2 and Unit 3) | 234 |
| Revision 3 (Unit 4 and Unit 5) | 236 |
| Revision 4 (Unit 6, Unit 7 and Unit 8) | 238 |
| Revision 5 (Unit 9 and Unit 10) | 240 |
| End-Term Revision 1 | 242 |
| End-Term Revision 2 | 244 |

8 LESSONS / UNIT

1 Vocabulary & Grammar

2 Review

3 Vocabulary & Grammar

4 Phonics

5 Vocabulary & Grammar

6 Review

7 Story

8 Skill/Project

Unit opener

Khởi gợi chủ đề

Giáo viên đặt câu hỏi giao tiếp
thông qua sách hướng dẫn giáo viên

- Have students open their textbooks. Draw students' attention to the picture on page 20. Ask students to answer three questions, then call some students to point at the picture when they answer.
 - 1 What food can you see?
 - 2 Where's Einstein?
 - 3 What colour are the bags?
- Explain that in this lesson students will learn to talk about activities and time.

2

It's a happy day!



20

50

Vocabulary & Grammar

Lessons 1, 3, 5

- ✓ Ngữ cảnh giao tiếp
- ✓ Giới thiệu từ vựng
- ✓ Fluency practice cho từ vựng
- ✓ Input cho cấu trúc ngữ pháp
- ✓ Thực hành cấu trúc

Lesson 1

Vocabulary and Grammar 1

2

1  Look, listen and repeat.

1



get up

2



have breakfast

3



go to school

4




have lunch

5



have art lessons

2  Look at the picture on page 20.
Find the activities and say.

3  Listen and say.

Emma: I get up at 6 o'clock.

Jack: I have breakfast at 6.30.



4  Look and say.



1 have breakfast / 7.00



2 go to school / 7.30



3 have lunch / 10.30



4 have art lessons / 2.00

Review

Lesson 2, 6

- ✓ Ôn tập kiến thức và kỹ năng của bài 1, 3, 5
- ✓ Tăng khả năng recycle từ vựng và cấu trúc cho học sinh

2
Lesson 2

2
Lesson 6

1 Look and write.

2 Listen and number.

2 Listen and write your answers.

1 When do you go to school? We go to school _____.

2 When do you play tennis? We play tennis _____.

3 When do you do homework? We do homework _____.

4 Do you go to bed at 10 o'clock? _____.

3 Ask and answer.

Emma: Nam, when do you take a bath?

Nam: I take a bath in the morning.

Emma: Do you have dinner at six thirty?

Nam: Yes, I do.

1 go to school / in the morning 2 have lunch / 12.00 / Yes

3 go home / 4.15 / Yes 4 have dinner / 6.00 / No

5 do homework / in the afternoon 6 go to bed / night

3 _av_ b___k__st

_ch__

6.30 b ☐ 7.30

2.30 b ☐ 3.30

9.15 b ☐ 9.45

WORD.

jet up at 6.30. Then

fast at (2) _____.

o school at 7.15.

at (4) _____.

irt lessons at 3 o'clock.

26

Phonics

Ngữ âm

- ✓ Nhận diện âm và phát âm chính xác
- ✓ Luyện tập kỹ năng giao tiếp

2

Phonics

Lesson 4

1 Listen and repeat.



2 Write **er** or **or** and match. Then say.

1 fath**er** 2 broth__ 3 w__d game 4 homew__k 5 aft__noon



3 Listen and repeat. Then practise.

1 My brother, my father and I have dinner at 7 o'clock.

2 In summer, I do my homework in the afternoon.
I play word games.

4 Look and match. Then ask and answer.

Do you have breakfast at 7 o'clock? No, I don't. I have breakfast at 7.15.

1 have breakfast 2 have art lessons 3 play word games



4 do homework

5 have dinner

6 go to school

Story

Câu chuyện

- ✓ Giúp học sinh ôn tập lại ngôn ngữ trọng tâm trong ngữ cảnh đơn giản, gần gũi



Lesson 7
Story 2
Lesson

Helpers Team

1 Watch or listen and read.

Einstein is colourful!

Look! These are paintbrushes. We have art lessons.

Oh, right. You don't go to school today.

Bye!

When do you have tennis lessons?

We have tennis lessons in the morning.

Where are Ben and Sam?

They play tennis and have lunch in the park today.

Hi, Marie!

Hello, Lucy!

We have an art lesson now. Let's hurry!

The paints are on the table.

Hello, everyone!

Hello, Ms. Apples.

Let's paint flowers today!

Yay!

Atomic is on the table, too!

Atomic, no!

Look out, Einstein!

What happens next?

2 Look at the story. Read and circle.

1 We have don't have art lessons.

2 You go don't go to school.

3 We have don't have tennis lessons.

3 Read and tick (✓).

1 Where are Ben and Sam?
☐ a in the park ☐ b in the house

2 When do they have tennis lessons?
☐ a in the morning ☐ b in the afternoon

3 Where is Atomic?
☐ a on the table ☐ b under the table

4 Read again and match.

1 We have an art lesson now.

2 Let's paint flowers today!

3 Look out, Einstein!

4 Where are Ben and Sam?

5 Act out the story.



Skills / Projects

Unit 1, 3, 4, 6, 8

Unit 2, 5, 7, 9, 10

1

Skills

Lesson 8

Back to school

1

Listen and read.



Good morning! My name is Tú Anh. My birthday is in May. I'm studying at Hoa Hồng Primary School. This is my classroom. Look at the clock on the wall! It's seven thirty. It's time for class!

I've got a new bag today. These are 20 colouring pencils. I love them very much. I like drawing with them. I've also got a compass and an English dictionary. I don't like my compass.

2

Read and tick (✓) Yes or No.

- Tú Anh is a student at Hoa Hồng Primary School.
- Her birthday is in June.
- There are 12 colouring pencils in her bag.
- She likes painting.
- Her favourite school thing is the compass.

Yes

No

3

Write about you.

Good _____. My name's _____. My birthday is in _____. I'm studying at _____. It's _____. It's time for class. My favourite school thing is _____. I love _____. I don't like my _____.

4

Introduce you and your bag.

18

Lesson 8

Project

2

Make a timetable: My day.

1

Write in the timetable. Then decorate.

| In the morning | | In the afternoon | | In the evening | |
|----------------|----------------|------------------|------------|----------------|------------|
| time | activities | time | activities | time | activities |
| 6.30 | get up | | | | |
| | have breakfast | | | | |
| | go to school | | | | |

2

Look at the timetable and write.

This is my day. In the morning, I (1) get up at (2) _____. I (3) at (4) _____ and then I (5) . In the afternoon, I have (6) _____ lessons at (7) _____, and (8) _____ lessons at (9) _____. In the evening, I have (10) at (11) _____.

3

Show your timetable. Talk about your day to the class.

29

Revision

Starter & 1

2 & 3

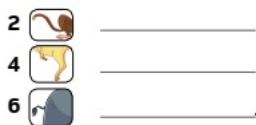
4 & 5

6, 7 & 8

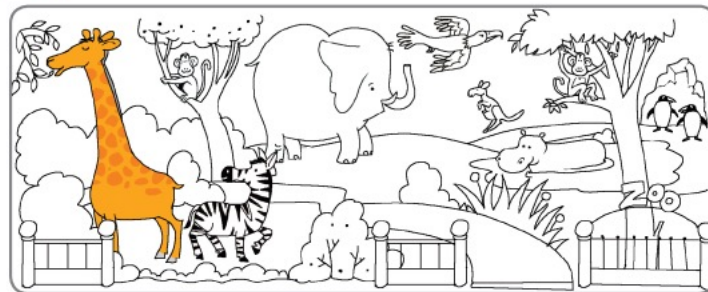
9 & 10

Revision 3

1 Look and write.



2 Listen, look and colour.



3 Re-order. Then ask and answer.

1 What does a tiger look like? does tiger What a look like

2 _____? or What you like would eat ,
a burger to a pizza



3 _____? like you grapes would
oranges or What eat to ,



4 _____? What zebras eat often do



62



Revision 3

4 Read, look and write.

My dad is a (1)  . He goes to work by (2) .

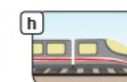
My mum is a (3)  . She goes to work by (4) .

My aunt is a (5)  . She goes to work by (6) .

My cousin is an (7)  . She works at home. I want to be a
(8)  and go to work by plane!

5 Listen, look and draw lines.

1 Nick 2 John 3 Jess 4 Sue 5 Dan



6 Say about you. Ask and answer.

Emma: I want to be a dancer.

Nam: Why do you want to be a dancer?

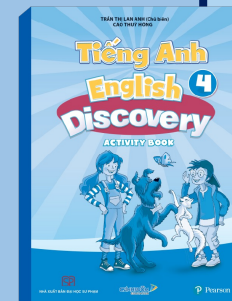
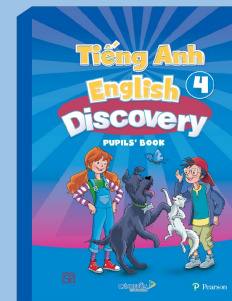
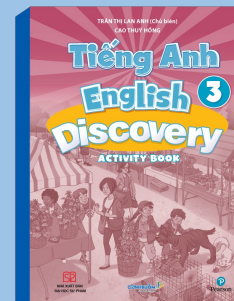
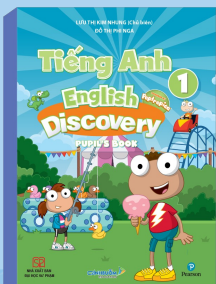
Emma: Because I like dancing.



63

02

TÀI NGUYÊN BỔ TRỢ



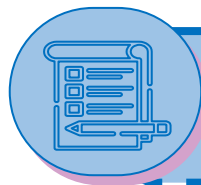
*Everything
you need
is here!*



canhbuom-edu.vn

GROUP NHẬN SÁCH & THÔNG TIN





- ☐ Teachers' Book
- ☐ Phân phối chương trình và giáo án mẫu
- ☐ Hệ thống bài kiểm tra
- ☐ Teacher's Resources & Extra Games
- ☐ Slide Powerpoint cho mỗi bài
- ☐ Phần mềm hỗ trợ giảng dạy **Active Teach**
- ☐ Thẻ hình (Flash cards)
- ☐ Thẻ kể chuyện (Story cards)

SÁCH GIÁO VIÊN

Starting the lesson

- Place Lesson 1 flashcards on the board.
- Use the *Lollipop stick technique* to have students spell a word or phrases you point to.
- As you write, intentionally make a mistake for the students to correct you.
- Ask them: "When do you do these activities?" and introduce the lesson.

Presentation

1 2.09 Listen and repeat. Then listen and point.

- Explain that in this lesson students will learn words that show the different times of the day.
- Place the lesson flashcards on the board. Go through each word and have students repeat after you.
- Ask students to tell you what time of day it is now.
- Place students in pairs. One student points to a word for the other to say it.
- Say a time of day for students to point to in their Pupils' books.
- Play the first part of the audio. Students repeat the items as they hear them.

Extension:

- Stick Lesson 1 flashcards on one side of the board and stick this lesson flashcards on the other side.
- Ask students to match each activity to the times of the day that they feel appropriate.

Tiếng Anh English Discovery 4

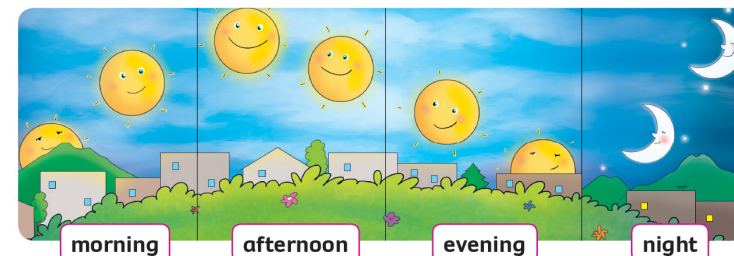
- ✓ Các bước dạy rõ ràng.
- ✓ Các thủ thuật dạy học cụ thể.

Lesson 5

Vocabulary and Grammar 3

2

1 2.09 Listen and repeat. Then listen and point.



2 2.10 Listen and say.

When do you go to school?

We go to school in the morning.



2.11

When do you go home?

We go home in the afternoon.

3 2.12 2.13 Listen and sing.

When do you have breakfast,
have breakfast, have breakfast?
When do you have breakfast?
We have breakfast in the morning.

When do you have dinner,
have dinner, have dinner?
When do you have dinner?
We have dinner in the evening.



When do you have lunch,
have lunch, have lunch?
When do you have lunch?

When do you go to bed,
go to bed, go to bed?
When do you go to bed?
We go to bed at night.

When do you _____?

_____ / morning / afternoon / evening / at night.

SÁCH GIÁO VIÊN

Gợi ý hoạt động phù hợp
các bối cảnh khác nhau

3 2.12 & 2.13 Listen and sing.

- Place the lesson flashcards on the board. Ask students to tell you what the times of the day are.
- Have students look at their books and read through the song script.
- Play the song for students to sing. Explain that when they hear a time of the day, they clap their hands.
- A karaoke version of the song is available (track 2.13).

Extra activity TPR

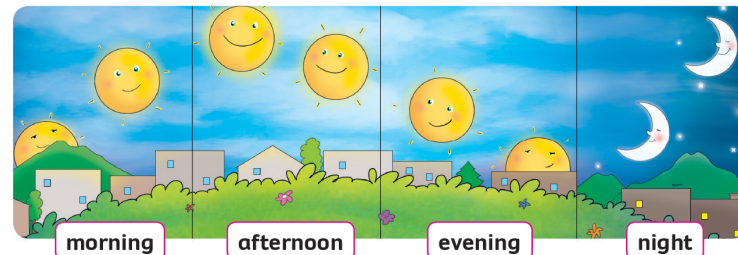
- Divide the class into four groups. Name each group *morning*, *afternoon*, *evening* and *night*. Say an activity. If it can be done in their time of the day, that group stands up.
- Explain that some activities can be done during different parts of the day.

Lesson 5

Vocabulary and Grammar 3

2

1 Listen and repeat. Then listen and point.



2 Listen and say.

When do you go to school?

We go to school in the morning.



When do you go home?

We go home in the afternoon.

3 Listen and sing.

When do you have breakfast,
have breakfast, have breakfast?
When do you have breakfast?
We have breakfast in the morning.

When do you have dinner,
have dinner, have dinner?
When do you have dinner?
We have dinner in the evening.

When do you have lunch,
have lunch, have lunch?
When do you have lunch?
We have lunch in the afternoon.

When do you go to bed,
go to bed, go to bed?
When do you go to bed?
We go to bed at night.

4 Ask and answer.

When do you _____?

I _____ in the morning / afternoon / evening / at night.

Classroom language

Greeting the class

| | |
|----------------------------|-----------------------|
| Hello. Hi! | How are you today? |
| Good morning/afternoon. | Is everyone here? |
| Come in. | Is anyone away today? |
| Sit down/Stand up, please. | Where is (Juan)? |
| What day is it today? | |

Starting the lesson

| | |
|---|------------------------------|
| Are you ready? | Give this/these out, please. |
| Let's begin/start. | Have you got a (pencil)? |
| Listen (to me). | Open your books at page (4). |
| Look (at me/at the board). | Turn to page (6). |
| Take out your books/notebooks/coloured pencils. | Open the window/door. |
| | Close the window/door. |

Managing the class

| | |
|---------------------------------|-------------------------|
| Be quiet, please. | Put your hands up/down. |
| Look at me/Listen to me. | Who's next? |
| Come to the front of the class. | Queue/Line up! |
| Come to the board. | Repeat after me. |
| Come here, please. | Wait a minute, please. |
| | Hurry up. |

Words of praise

| | | |
|--------------|------------------|-------------|
| Well done! | Much better. | Great work! |
| Excellent! | Good job. | Good luck! |
| Fantastic! | Congratulations! | Thank you. |
| That's nice. | That's correct! | |

During the lesson – instructions

| | |
|---|-----------------------------|
| Hold up your picture. | It's break time/lunch time. |
| Draw/Colour/Stick/Cut out ... | Wait a minute, please. |
| Write the answer on the board/in your book. | Be careful. |
| Let's sing. | Sorry, guess/try again. |
| Let's sing. | Next, please. |
| All together now. | Again, please. |

During the lesson – questions

| | |
|--------------------|---------------------|
| Are you ready? | May/Can I help you? |
| Do you understand? | Are you finished? |
| What do you think? | Who's finished? |
| Anything else? | What can you see? |

Pair work/Group work

Find a partner.
Get into twos/threes.
Who's your partner?
Work in pairs/groups.
Make a circle.
Work with your partner/friend/group.
Show your partner/friend/group.
Tell your partner/friend/group.
Now ask your partner/friend/group.

Language used for playing games

| | |
|----------------------------|----------------------------------|
| It's my/your/his/her turn. | Roll the dice. |
| Whose turn is it? | Move your/my counter (3) spaces. |
| You're out. | Miss a turn. |
| Don't look. | Go back (2) spaces. |
| No cheating. | Roll again. |
| Turn around. | I've won! |
| Close your eyes. | You're the winner! |
| Pass the (ball, cup), etc. | |
| Wait outside. | |

Useful phrases for the students

| | |
|----------------------------------|------------------|
| May/Can I go to the toilet? | I'm sorry. |
| I understand/I don't understand. | Can you help me? |
| Excuse me ... | I'm ready. |
| | I'm finished. |

Ending the lesson

Put your books/notebooks away.
Tidy up.
Put that in the bin/rubbish.
Collect the stickers/cards.
The lesson is finished.
That's all for today.
Goodbye!
See you tomorrow.
Have a nice weekend/holiday.

Games bank

Flashcard games

Which card is this?

Cut out a small square in the middle of an A4 sheet of white paper. Cover the flashcards with this sheet of paper in such a way that students can see only part of the picture in the cut-out hole. Ask students to guess what the cards present.

Observation

Show students a flashcard, but do it quickly. Then ask them *What's this?* The students' task is to name the object presented in the card. If students fail to guess it the first time, show them the card again a little slower than before.

Guess and take it!

Hold up a flashcard. The student who is first to say the word presented in the card may take it. The student who collects the highest number of cards wins.

Echo

Make sure that students are familiar with the echo technique. Show students the flashcards and speak out relevant words. Ask students to repeat the words after you a few times quieter and quieter, like an echo.

Remember and say it!

Stick four or five cards on the board. Ask students to remember what they present. Then, remove the cards from the board and ask students to say the names. Repeat with other cards.

Remembering the order

Select four flashcards from the same topic and stick them on the board. Ask a few volunteers to look at the pictures and remember the order in which they are placed. Then, ask students to close their eyes and remove one of the cards. The student who is first to say the word on the board and ask the others to say the correct order.

Select five students a few minutes to remember the order in which they are placed. Then, ask students to close their eyes and remove one of the cards. Ask them *What's missing?* Students identify the missing card.

Which card have you got?

Select a few flashcards and give them to students. Ask them to pass the cards on in such a way that they cannot see what they show. At some point of time say *Stop*, and ask *Who's got the (apple)?* The student who has the card you asked for says *Me!*

Where is this card?

Stick the flashcards all over the classroom. Say the words and students point to appropriate cards.

Listen and pass it on!

Distribute the flashcards with the selected words among students (e.g. one card per desk). Speak out sentences including the selected words and ask the students to pass the appropriate cards to you.

Standing up

Hand over a set of cards from one set (e.g. with animals, to particular students). Say the name of animal aloud. The task of the student holding the card you named is to stand up and to show the picture to other students.

Raise your card

Distribute the cards among students. Tell students a short story in English. When a student hears the word depicted in his/her card, he/she raises it up.

Yes!/No!

Show students the flashcards and ask them to name the pictures together with you. Then, show students the cards in such a way that only they can see the pictures. Say a word in English. The students' task is to say aloud *Yes!* if the picture shows the word you said. If the picture does not show the given word, students say *No!* Continue providing words until all the pictures are correctly named.

Numbers

Stick five flashcards on the board (e.g. about food). Ask one student to come to the board and to write numbers under appropriate pictures following your instructions, e.g. *the (chicken) is number (one)*. Do the same with the four remaining cards. Then, ask particular students *What's number (three)?*

Charades

If it is possible, ask students to sit in a circle. Give one student the entire set of cards, e.g. from the unit *Food*. Play some music. Students pass the set on when they hear the music. Stop the music. The student who holds the set stands up, selects one card and mimes the word (e.g. if he/she chose a picture of a banana, he/she mimes peeling and eating). The task of the others is to guess the word. The card described is taken away from the set and the game goes on.



SÁCH GIÁO VIÊN

Ngân hàng trò chơi và hoạt động

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

140 TIẾT

| Học kỳ I | | Học kỳ II | |
|-------------------------------|---------|------------------------------|---------|
| Introduction | 1 tiết | Unit 6 – A camping trip | 11 tiết |
| Starters | 7 tiết | Unit 7 – My home | 11 tiết |
| Unit 1 – Back to school | 11 tiết | Unit 8 – Let’s dress up! | 11 tiết |
| Unit 2 – It’s a happy day! | 11 tiết | Unit 9 – Animals on the farm | 11 tiết |
| Unit 3 – Free time activities | 11 tiết | Unit 10 – Around the town | 11 tiết |
| Unit 4 – At the zoo | 11 tiết | Revision | 4 tiết |
| Unit 5 – I want to be a cook! | 11 tiết | Review | 3 tiết |
| Revision | 5 tiết | End of term Revision | 2 tiết |
| End of term Revision | 2 tiết | End-term tests | 2 tiết |
| End-term tests | 2 tiết | Dự phòng | 2 tiết |



School: _____

Teacher: _____

STARTERS – BACK T

Lesson 1 – Common

I. OBJECTIVES

By the end of the lesson, students will be able to:

Language focus:

- Recognize and use common greetings to communicate
- Remember and say: good morning, good afternoon, good evening, I'm good, I'm very well.

Core competencies: Teamwork, motivation, problem-solving

21st Century skills: collaboration and teamwork.

II. TEACHING MATERIALS:

- Textbooks: Tiếng Anh 4, English Discovery 4 (NXB)
- Strips of paper enough for each student
- Audio files: Track 0.01, 0.02
- Computer and slides.

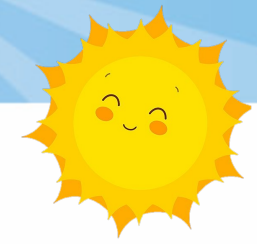
III. ASSUMED KNOWLEDGE: Students may know

IV. ASSESSMENT OF LEARNING:

- Students can point to the pictures and say the time.
- Students can use greetings in everyday lessons with their classmates.

III. PROCEDURE

| Stages | Teacher's activities | Students' activities | Note |
|--|--|--|------------|
| Warm-up: (2 minutes) | | | |
| | Greet the class. Listen and sing along: The Hello Song Step 1: Have all students stand up and look at the screen. Step 2: Play the video song for students to listen, sing along and move their bodies follows the music. | Whole class | Video song |
| Presentation: The common greetings Activity 1. Look and answer. (2 minutes) | | | |
| a. Aims: | To review the time: 7.00, 7.30, 8.00, 8.30.... To ask and answer questions about the time. | | |
| b. Procedure: | Step 1: Have students look at the lead-in picture. Ask Ss the question: <i>What time is it?</i> Have Ss look at the number and answer => <i>It's.....</i> Step 2: Pick up one student to ask and other students answer the question. | Teams and Individual - Listen and follow the teacher's instructions. | Slides |



Let's
spell!

BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ



have lunch

h a v e l u n c h



What can you see?



Next

**A. I can see
fourteen pencils.**

**B. I can see
twelve pencils.**

**C. I can see
eleven pencils.**

What number is this?

eighteen

fourteen



NEXT

Let's play!

OUR DRAWINGS



- Give a paper to each student. They draw a school object with the number from 11 to 20.
- Put students into groups. They put all their drawings on the table. One student picks up a drawing and asks: "What can you see?" and the others answer: I can see.....
- They work together and practice speaking.





PHẦN MỀM
DẠY HỌC

ACTIVE TEACH

Tiếng Anh
English 4
Discovery

FLASHCARDS

doctor



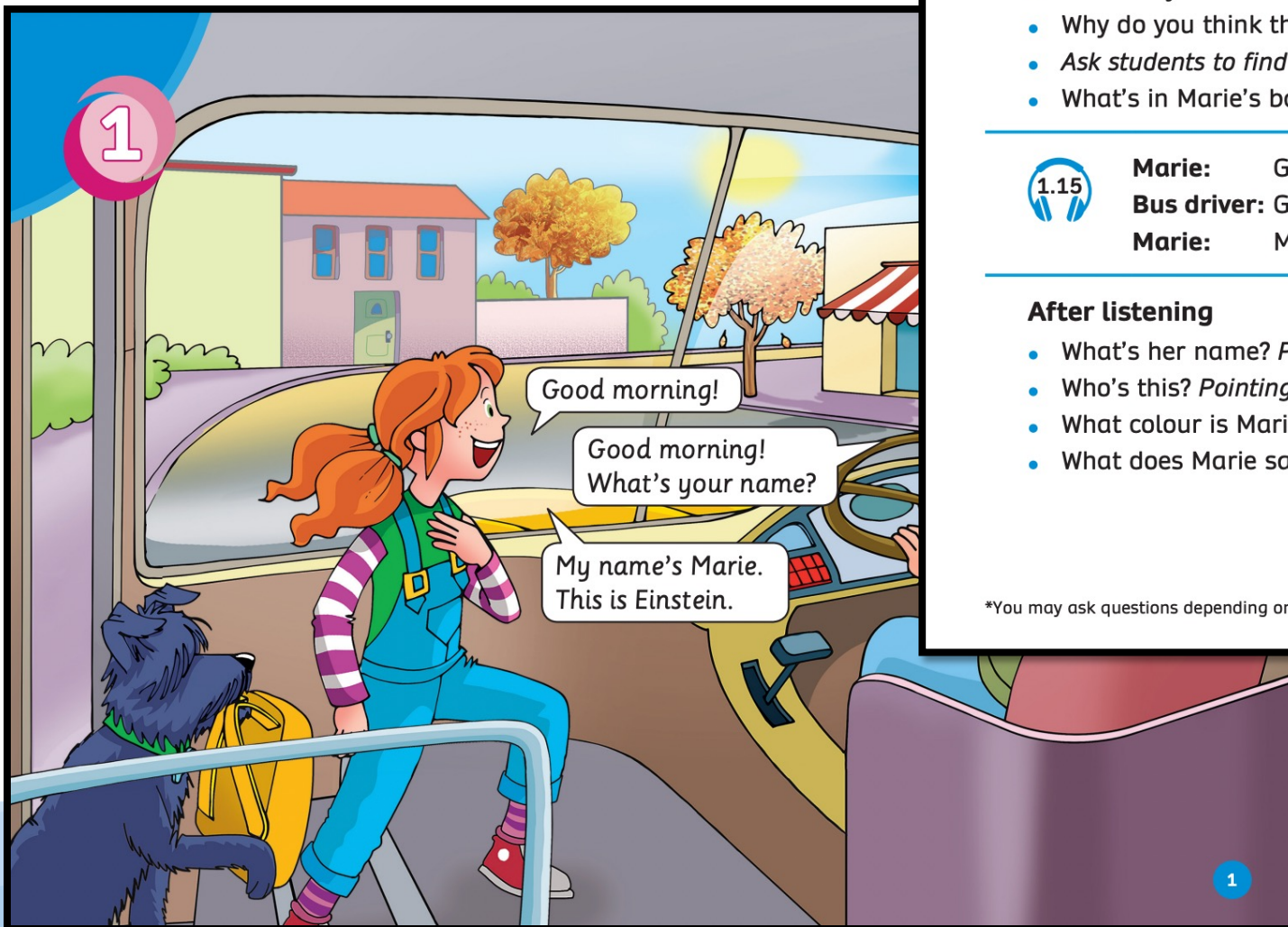
Unit 5 Lesson 1

Tiếng Anh 4 English Discovery Flashcards © Pearson Education Limited

Unit 5 Lesson 1

Tiếng Anh 4 English Discovery Flashcards © Pearson Education Limited

STORY CARDS



1

Back to school

Story card 1

Before listening

- It's time for a story. The title of the story is **Back to school**.
- What do you think happens in the story? [Open discussion.]
- Why do you think that? [Open discussion.]
- Ask students to find Marie's bag.
- What's in Marie's bag? What do you think? [Open discussion.]

1.15

Marie: Good morning!

Bus driver: Good morning! What's your name?

Marie: My name's Marie. This is Einstein.

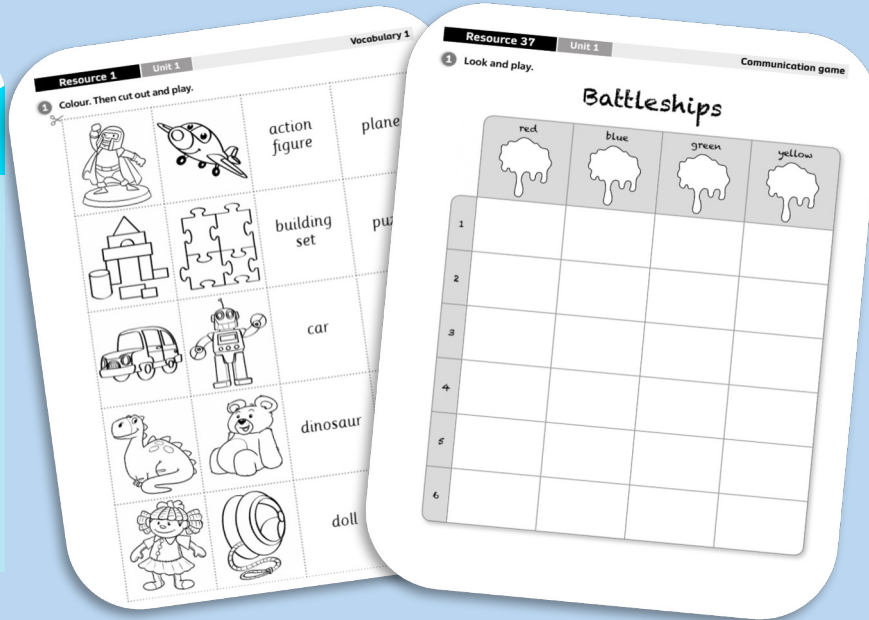
After listening

- What's her name? *Pointing to Marie.* [Marie.]
- Who's this? *Pointing to Einstein.* [Einstein.]
- What colour is Marie's bag? [It's yellow.]
- What does Marie say to the bus driver? [Good morning.]

*You may ask questions depending on your students' level.

HOẠT ĐỘNG BỔ TRỢ

ED4



Tiếng Anh
English 4
Discovery



1 Từ vựng

2 Ngữ pháp

3 Bài hát

4 Hoạt động
giao tiếp

5 Câu chuyện

1 Read and circle. Then look



1 I We don't have lunch.



2 I We have art lessons.



3 I We don't play baseball.



4 I We go to school.



5 I We don't get up.

1 Listen and write.

at night in the afternoon

When do you
have breakfast

When do you

We have breakfast (1)

When do you

have lunch

When do you

We have lunch (2)

When do you
have dinner

When do you

We have dinner (3)

When do you

go to bed

When do you

We go to bed (4)

1 Cut out and play.



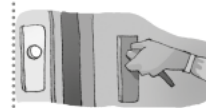
1 Cut out and play.



get up



have breakfast



go home



do homework



have lunch



go to bed



play



go to school

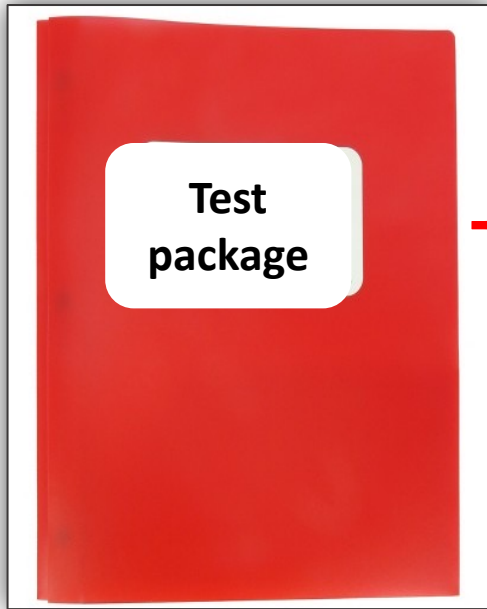


have dinner



have art lessons

HỆ THỐNG BÀI KIỂM TRA



1. Placement test (Kiểm tra đánh giá đầu vào)
2. Unit tests (bài test sau mỗi bài)
3. End of term test (Test giữa kì)
4. End of year test (Kiểm tra cuối kì)
5. Preparation Test: Pre A1 Starters



Tiếng Anh English 4 Discovery

English Discovery

Learning together, succeeding together

Nguồn tài nguyên cho học sinh, phụ huynh và giáo viên phong phú, đảm bảo hỗ trợ đắc lực cho việc dạy và học trong nhiều điều kiện khác nhau.

Phần mềm dạy học ActiveTeach offline ưu việt, dễ cài đặt và sử dụng bao gồm sách ebook, file nghe, các phiếu bài tập, kho bài kiểm tra, video, posters... Ngoài ra, giáo viên còn có thể sử dụng phần mềm dạy học để soạn giáo án điện tử, tổ chức các hoạt động tương tác với học sinh.



Student Components - Tài nguyên dành cho học sinh

Pupil's Book - Sách học sinh

Pupil's eBook - Sách điện tử

Activity Book - Sách bài tập

Activity eBook - Sách điện tử

Vocabulary Booster - Từ vựng tăng cường

Online practice - Bài tập bổ trợ trực tuyến

Top Tips and Practice for PTE Young Learners - Phiếu bài tập bổ trợ

Digital resource - Tài nguyên số dành cho học sinh

Recommended Tests

Tests

Placement test
Unit Tests
End of term tests
End of year test
Preparation Test: Pre A1 Starters
Test audio

Test generator

Placement tests
End of term tests
End of year tests
Starters Preparation

ActiveTeach

Class audio
Class videos
Tests
Photocopiables
Vocabulary boosters
PTE YL Past Practice
Students game
Test generator
Top Tip and Practice
Extra practice activities (homework)
Activity Book Resources

Teacher Components

Tài nguyên dành cho giáo viên

Teacher's Book - Sách giáo viên

Active Teach - Phần mềm giảng dạy

Powerpoint Slides - Giáo án điện tử

Story cards - Thẻ câu chuyện

Word cards - Thẻ từ

Flashcards - Thẻ hình

Posters

Photocopiable tests and worksheets

Bài kiểm tra đánh giá và phiếu bài tập

Audio

Story animations - Video câu chuyện

Digital Resources - Tài nguyên số dành cho Giáo viên

Choose English Discovery if you want to:

Phát triển năng lực ngôn ngữ và thái độ tích cực với việc học tiếng Anh.
Dành cho học sinh để chuẩn bị cho các kì thi hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
Mong muốn học tiếng Anh hấp dẫn, hứng thú bằng việc sử dụng các tài nguyên từ câu chuyện, âm nhạc.

KẾ HOẠCH CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN

- Tập huấn
- Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hướng dẫn dạy học, demo (trực tuyến, trực tiếp)
- Hội giảng

HỖ TRỢ

- Tặng mỗi cơ sở giáo dục phổ thông 01 bộ sách với đầy đủ tài liệu bản cứng cho năm học đầu tiên. (Students' Book, Work Book, Teacher's Book)
- Hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật
- Website tài liệu miễn phí (folder test, phân phối chương trình, giáo án mẫu, ...)



Tiếng Anh English 4 Discovery

THANK
YOU!



canhbuom-edu.vn

Everything you need is here!